

Số: ~~599~~/QĐ-BNV

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Xuất bản Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 48/2008/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Xuất bản Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Xuất bản Việt Nam đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (nhiệm kỳ 2011 - 2016) của Hội thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2011 tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Xuất bản Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Chánh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Công an;
- Lưu: VT, TCCP, N.

KT. BỘ TRƯỞNG

CHỦ TRƯỞNG



Nguyễn Tiến Dĩnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)

HỘI XUẤT BẢN VIỆT NAM

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số: ~~599~~ **599**/QĐ-BNV

ngày 05 tháng 7 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Hội Xuất bản Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Publishers Association of Vietnam.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: PAV.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Xuất bản Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của những người làm công tác xuất bản, phát hành sách và các lĩnh vực liên quan, tự nguyện đóng góp trí tuệ, sức lực nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc xây dựng và không ngừng phát triển sự nghiệp xuất bản của Việt Nam.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

Tổ chức và hoạt động của Hội thực hiện theo nguyên tắc:

1. Dân chủ, bình đẳng, tự nguyện, tự quản, tự trang trải về kinh phí; tuân thủ Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ Hội;
2. Tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

1. Hội Xuất bản Việt Nam hoạt động trong phạm vi cả nước.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Thông tin và Truyền thông và các Bộ, ngành khác về lĩnh vực Hội hoạt động.

Điều 5. Địa vị pháp lý của Hội

1. Hội có tư cách pháp nhân, có biểu tượng, con dấu và tài khoản riêng tại ngân hàng theo quy định của pháp luật.
2. Trụ sở chính của Hội đặt tại thành phố Hà Nội. Khi cần Hội được thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc, các chi hội, chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA HỘI

Điều 6. Nhiệm vụ của Hội

1. Tập hợp, đoàn kết những người làm công tác xuất bản, phát hành sách, các tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến lĩnh vực xuất bản nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ phục vụ cho sự nghiệp xuất bản Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân quan tâm đến hoạt động xuất bản, huy động mọi nguồn lực cho sự nghiệp xuất bản ngày càng phát triển theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức bồi dưỡng nâng cao nhận thức cho hội viên về chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công nghệ, khoa học quản lý và nghiệp vụ xuất bản.

4. Phổ biến, huấn luyện kiến thức khoa học về nghiệp vụ xuất bản cho hội viên, cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật. Vận động hội viên ứng dụng những tiến bộ về khoa học, công nghệ và quản lý nhằm nâng cao chất lượng xuất bản phẩm.

5. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, các tổ chức của Hội và các tác giả khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật.

6. Mở rộng hợp tác với các tổ chức xuất bản và phát hành sách trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật và thông lệ quốc tế.

7. Phát triển hội viên mới.

Điều 7. Quyền của Hội

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuyên truyền mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội và quy định của pháp luật.

5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội viên, hòa giải tranh chấp trong nội bộ Hội.

6. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

8. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

9. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.

10. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

11. Được gây quỹ Hội dựa trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.

12. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.

13. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động và cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 8. Nghĩa vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội và Điều lệ Hội. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Trước khi tổ chức Đại hội nhiệm kỳ ba mươi ngày, Ban Chấp hành Hội phải có văn bản báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

3. Khi thay đổi Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, lập các pháp nhân thuộc Hội phải theo đúng quy định của pháp luật và báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP.

4. Hàng năm phải báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực mà Hội hoạt động, chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

5. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật.

6. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, chi hội, văn phòng đại diện và các đơn vị trực thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội và văn phòng đại diện, biên bản các cuộc họp Ban Chấp hành Hội.

7. Kinh phí thu được theo quy định tại Khoản 11 và Khoản 12 Điều 23 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP phải dành cho hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội, không được chia cho hội viên.

8. Việc sử dụng kinh phí của Hội chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Hàng năm, Hội báo cáo quyết toán tài chính theo quy định của Nhà nước gửi cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Điều 14 của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP về việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài.

9. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 9. Tiêu chuẩn hội viên, điều kiện gia nhập và thủ tục khai trừ hội viên

1. Hội viên chính thức

a) Hội viên tổ chức: Cơ quan, tổ chức của Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, phát hành sách và các lĩnh vực liên quan được thành lập hợp pháp tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện gia nhập Hội đều có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam đã và đang hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, phát hành sách và các lĩnh vực liên quan tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện gia nhập Hội đều có thể trở thành hội viên chính thức của Hội.

2. Hội viên liên kết và hội viên danh dự: Công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin vào Hội, được Hội công nhận là hội viên liên kết hoặc hội viên danh dự. Hội viên liên kết và hội viên danh dự có quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử vào Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội.

3. Thủ tục gia nhập và kết nạp hội viên:

a) Tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện, có nguyện vọng gia nhập Hội gửi đơn tự nguyện gia nhập Hội (theo mẫu) và các giấy tờ khác theo quy định của Hội để Hội công nhận hội viên;

b) Trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được đầy đủ các giấy tờ trên, Hội sẽ có quyết định bằng văn bản việc kết nạp tổ chức, cá nhân trở thành hội viên chính thức của Hội;

c) Việc xét kết nạp hội viên mới do Ban Thường vụ Hội xem xét quyết định.

4. Thẻ thức ra khỏi Hội

a) Hội viên tự nguyện xin ra khỏi Hội, làm đơn gửi Ban Thường vụ Hội. Ban Thường vụ Hội xem xét, quyết định việc chấm dứt tư cách hội viên khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Thường vụ tán thành. Quyền và nghĩa vụ của hội viên sẽ chấm dứt kể từ khi có quyết định chấp thuận của Ban Thường vụ Hội.

b) Hội viên bị khai trừ ra khỏi Hội trong các trường hợp sau:

- Hội viên là tổ chức bị giải thể, ngừng hoạt động hoặc bị tuyên bố phá sản;
- Hội viên là cá nhân bị mất quyền công dân;
- Vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ Hội và các quy định của Hội;
- Không đóng hội phí hai năm liên tiếp kể từ khi thông báo lần hai;
- Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và uy tín của Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên chính thức

1. Chấp hành Điều lệ, nghị quyết của Hội.
2. Tích cực tham gia các hoạt động của Hội.
3. Đóng hội phí và xây dựng quỹ Hội.
4. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội.
5. Giới thiệu hội viên mới.

Điều 11. Quyền của hội viên chính thức

1. Được cấp thẻ hội viên.
2. Tham gia sinh hoạt, đóng góp ý kiến, thảo luận và biểu quyết các công việc của Hội.
3. Ứng cử, đề cử và bầu vào các cơ quan lãnh đạo Hội.
4. Được Hội bảo vệ quyền lợi hợp pháp khi có yêu cầu.
5. Được hưởng các quyền lợi về tinh thần và vật chất do hoạt động của Hội mang lại.
6. Được khen thưởng khi có thành tích xuất sắc trong công tác Hội.
7. Được xin ra khỏi Hội.

Chương IV TỔ CHỨC HỘI

Điều 12. Cơ cấu tổ chức Hội

1. Đại hội đại biểu toàn quốc.
2. Ban Chấp hành Hội.
3. Ban Thường vụ Hội.
4. Ban Kiểm tra Hội.

5. Liên chi hội, chi hội, Văn phòng và các đơn vị trực thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội đại biểu toàn quốc, Đại hội bất thường, Hội nghị thường niên

1. Đại hội đại biểu toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội, do Ban Chấp hành triệu tập 05 (năm) năm một lần với sự tham gia ít nhất của trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức. Đại hội có nhiệm vụ:

- a) Đề ra phương hướng hoạt động của Hội và thảo luận, thông qua báo cáo kiểm điểm nhiệm kỳ của Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra;
- b) Giới thiệu, đề cử, ứng cử và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra;
- c) Bổ sung, sửa đổi Điều lệ Hội (nếu có);
- d) Thảo luận và quyết định những vấn đề kinh tế, tài chính của Hội;
- đ) Thảo luận và thông qua nghị quyết của Đại hội.

2. Đại hội bất thường: Được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

3. Hội nghị thường niên: Căn cứ vào tình hình hoạt động cụ thể, Hội có thể tổ chức Hội nghị thường niên của Hội 01 (một) năm 01 lần để tổng kết đánh giá hoạt động của Hội và phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quyết định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội lãnh đạo và điều hành tổ chức, hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội. Ban Chấp hành Hội do Đại hội đại biểu toàn quốc bầu. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định, ủy viên Ban Chấp hành phải là hội viên chính thức của Hội. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành theo nhiệm kỳ của Đại hội. Ban Chấp hành Hội có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Thực hiện các nghị quyết Đại hội, đề ra chủ trương công tác và phương hướng hoạt động của Hội cả nhiệm kỳ và trong từng thời kỳ, quyết định hội phí, tài chính của Hội;

b) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và ủy viên Ban Thường vụ; khen thưởng, kỷ luật các tổ chức và hội viên của Hội;

c) Thành lập hoặc giải thể các chi hội và các tổ chức trực thuộc Hội. Việc thành lập, giải thể các tổ chức thuộc Hội có pháp nhân phải theo quy định của pháp luật;

d) Khi cần thiết, Ban Chấp hành Hội có quyền bầu bổ sung, miễn nhiệm, cho rút khỏi danh sách ủy viên Ban Chấp hành. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành bổ sung không quá 1/3 (một phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định. Việc bổ sung, thay thế, miễn nhiệm, cho rút khỏi danh sách ủy viên Ban Chấp hành phải trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch Hội và phải có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tán thành.

2. Các quyết định của Ban Chấp hành có giá trị khi có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Chấp hành tán thành.

3. Ban Chấp hành một năm họp một lần, khi cần họp bất thường do Chủ tịch Hội triệu tập và phải có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban thường vụ yêu cầu mới triệu tập họp.

4. Ban Chấp hành Hội quy định tiêu chuẩn và thủ tục bầu các chức danh lãnh đạo Hội (Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ban Thường vụ), xác định mối quan hệ giữa các chức danh lãnh đạo Hội với Ban Chấp hành Hội.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội và cơ quan thường trực Hội

1. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Thường vụ. Số lượng Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quy định. Ban Thường vụ họp 06 (sáu) tháng một lần.

Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành và các công việc thường xuyên của Hội;

b) Chỉ đạo, theo dõi, phối hợp hoạt động của các Liên chi hội, chi hội, Ban Kiểm tra, các tiểu ban chuyên môn nghiệp vụ của Hội; quyết định kết nạp hội viên mới;

c) Các quyết định của Ban Thường vụ Hội có giá trị khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số ủy viên Ban Thường vụ tán thành.

2. Cơ quan thường trực Hội gồm có: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và Chánh Văn phòng. Cơ quan thường trực Hội có nhiệm vụ giải quyết công việc thường xuyên của Hội, đề xuất ý kiến và dự thảo các tài liệu sẽ thảo luận tại các phiên họp Ban Thường vụ và Ban Chấp hành Hội. Thường trực Hội họp 02 (hai) tháng một lần, khi cần họp bất thường do Chủ tịch Hội triệu tập.

Điều 16. Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Chánh Văn phòng Hội

1. Chủ tịch Hội là người đại diện trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội có nhiệm vụ:

a) Lãnh đạo và điều hành công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Phân công các Phó Chủ tịch phụ trách từng mặt công tác của Hội, trong đó có một Phó Chủ tịch thường trực;

d) Thay mặt Ban Thường vụ Hội ký các quyết định thành lập các cơ quan, tổ chức và đơn vị trực thuộc Hội, quyết định bổ nhiệm chức danh, quyết định tuyển dụng cán bộ, quyết định kết nạp hội viên mới và xóa tên hội viên, quyết định ban hành các quy chế hoạt động Hội, quy định chế độ phụ cấp cán bộ Văn phòng Hội phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành về mọi hoạt động của Hội.

2. Phó Chủ tịch thường trực thay mặt Chủ tịch điều hành công việc hàng ngày của Hội.

3. Các Phó Chủ tịch khác giúp Chủ tịch phụ trách một số lĩnh vực công tác, thay mặt Chủ tịch thực hiện một số việc khi được Chủ tịch uỷ quyền. Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các việc được Chủ tịch phân công.

4. Chánh Văn phòng Hội tham mưu, giúp việc cho thường trực Hội trong việc triển khai thực hiện toàn bộ chương trình công tác của Hội.

Điều 17. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội bầu bằng hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết giơ tay. Ban Kiểm tra Hội gồm có Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu cần) và một số uỷ viên do Đại hội quyết định. Trưởng Ban Kiểm tra là uỷ viên Ban Chấp hành Hội và do Ban Kiểm tra bầu. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra là 05 (năm) năm và hoạt động độc lập với Ban Chấp hành Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra việc thi hành Điều lệ Hội, việc thực hiện các nghị quyết Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;

b) Kiểm tra hoạt động của các tổ chức cơ sở Hội;

c) Đề xuất, kiến nghị xử lý khiếu nại, tố cáo của các tổ chức Hội và hội viên. Kết quả các đợt kiểm tra phải báo cáo kịp thời bằng văn bản về Ban Chấp hành Hội để xem xét, xử lý theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

d) Ban Kiểm tra họp 06 (sáu) tháng một lần.

3. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm tra Hội.

Điều 18. Văn phòng Hội

Văn phòng Hội là cơ quan chuyên trách trực thuộc Ban Chấp hành và do Ban Chấp hành Hội quyết định thành lập. Văn phòng Hội có nhiệm vụ thực hiện các công việc hành chính; quản lý tài sản, tài chính của Hội; tổ chức và hoạt động theo quy chế được Ban Chấp hành phê duyệt. Văn phòng Hội có trách nhiệm lập và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về tổ chức, hoạt động và tài chính của Hội. Văn phòng Hội có: Chánh Văn phòng, Phó Chánh Văn phòng, Trưởng đại diện Văn phòng tại địa phương (nếu có) và các nhân viên chuyên trách.

Điều 19. Liên chi hội

1. Các chi hội trong phạm vi một ngành, một khu vực hành chính thường xuyên có mối liên hệ về xuất bản, phát hành sách có thể tổ chức thành liên chi hội để phối hợp, hỗ trợ hoạt động và tổ chức hoạt động giao lưu giữa các chi hội.

2. Liên chi hội do Ban Chấp hành Hội ra quyết định thành lập. Trình tự thủ tục thành lập liên chi hội do Ban Chấp hành Hội quy định. Liên chi hội bầu Liên chi hội trưởng, các Liên chi hội phó và các uỷ viên. Ban Chấp hành Hội ra quyết định công nhận ban lãnh đạo liên chi hội. Liên chi hội không phải là một cấp của Hội.

3. Liên chi hội tổ chức và hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành Hội quy định.

Điều 20. Chi hội

1. Chi hội là tổ chức cơ sở của Hội Xuất bản Việt Nam. Mỗi cơ sở có từ 5 hội viên trở lên được thành lập chi hội. Việc thành lập chi hội do Ban Chấp hành Hội quyết định.

2. Chi hội có trách nhiệm:

a) Quản lý hội viên, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chương trình công tác của Hội;

b) Tập hợp, phản ánh các nguyện vọng, kiến nghị của hội viên với lãnh đạo Hội;

c) Mỗi chi hội được bầu Ban Chấp hành chi hội (Chi hội trưởng, Chi hội phó và một số uỷ viên). Số lượng uỷ viên Ban Chấp hành chi hội từ 03 (ba) đến 05 (năm) người. Nếu chi hội có số hội viên dưới 10 người chỉ bầu Chi hội trưởng;

d) Chi hội họp 06 (sáu) tháng một lần, cuối năm báo cáo kết quả hoạt động về Văn phòng Hội;

đ) Thực hiện quy chế về tổ chức và hoạt động của chi hội, quy chế do Ban Chấp hành Hội quy định.

Điều 21. Các ban chuyên môn, các tổ chức trực thuộc Hội

1. Khi cần thiết Hội thành lập các ban chuyên môn hoặc các tổ chức trực thuộc Hội. Việc thành lập các tổ chức trực thuộc Hội có pháp nhân thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các ban chuyên môn hoạt động theo Điều lệ Hội và quy chế do Ban Thường vụ Hội quy định.

3. Các tổ chức trực thuộc Hội hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và Điều lệ của tổ chức trực thuộc do Ban Chấp hành Hội quy định.

Chương V TÀI SẢN, TÀI CHÍNH CỦA HỘI

Điều 22. Tài sản, tài chính của Hội

1. Tài sản của Hội bao gồm tiền và hiện vật. Nguồn thu của Hội gồm có:

- a) Hội phí của Hội viên;
- b) Các nguồn thu do hoạt động của các tổ chức trực thuộc Hội đóng góp;
- c) Các nguồn tài trợ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- d) Các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có).

2. Khoản chi:

- a) Chi cho các hoạt động do Hội tổ chức hoặc tham gia;
- b) Chi phí hành chính;
- c) Trả lương, phụ cấp cho cán bộ, nhân viên Văn phòng Hội, cán bộ lãnh đạo và phụ trách các ban chuyên môn, nghiệp vụ của Hội;
- d) Chi phí mua sắm trang thiết bị và phương tiện làm việc cho lãnh đạo Hội và Văn phòng Hội.

Điều 23. Quản lý tài sản, tài chính

1. Tài sản và tài chính của Hội được quản lý theo quy định của pháp luật và theo Quy chế quản lý tài sản, tài chính do Ban Chấp hành Hội quy định;

2. Tài chính của Hội phải được báo cáo công khai trong các kỳ Đại hội hoặc hội nghị Ban Chấp hành Hội.

3. Khi Hội giải thể việc giải quyết tài sản, tài chính của Hội thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 24. Khen thưởng

1. Hội viên và các tổ chức của Hội có thành tích được Hội khen thưởng hoặc đề nghị các cấp khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua và khen thưởng.
2. Cá nhân, cơ quan, tổ chức không thuộc Hội nếu có nhiều đóng góp cho sự phát triển Hội được Hội khen thưởng.
3. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, thủ tục, tiêu chuẩn và hình thức khen thưởng.

Điều 25. Kỷ luật

1. Hội viên và các tổ chức của Hội vi phạm Điều lệ Hội, tùy theo mức độ sẽ bị kỷ luật từ khiển trách, cảnh cáo, cách chức, đến xóa tên khỏi danh sách của Hội. Hội viên bị toà án tước quyền công dân đương nhiên bị xóa tên khỏi danh sách hội viên. Hội viên vi phạm pháp luật sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.
2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể trình tự, thủ tục và thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Chỉ có Đại hội đại biểu toàn quốc Hội Xuất bản Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Hội Xuất bản Việt Nam gồm 7 (bảy) Chương, 27 (hai mươi bảy) Điều, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Hội Xuất bản Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2011 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội Vụ.
2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Xuất bản Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể và tổ chức thực hiện Điều lệ Hội./.